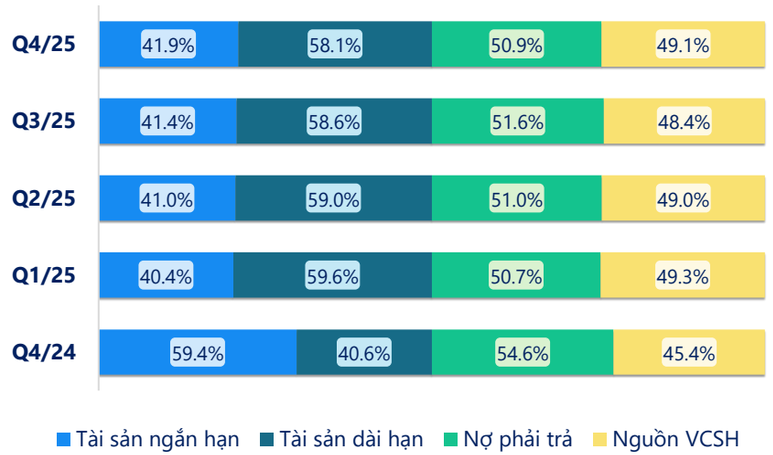
FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang (HSX: LGL)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	6,110
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,460
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,400
SL cổ phiếu LH	51,497,100
KLGD BQ 20 phiên (CP)	548,975
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	315
P/E	16.6
EPS	368

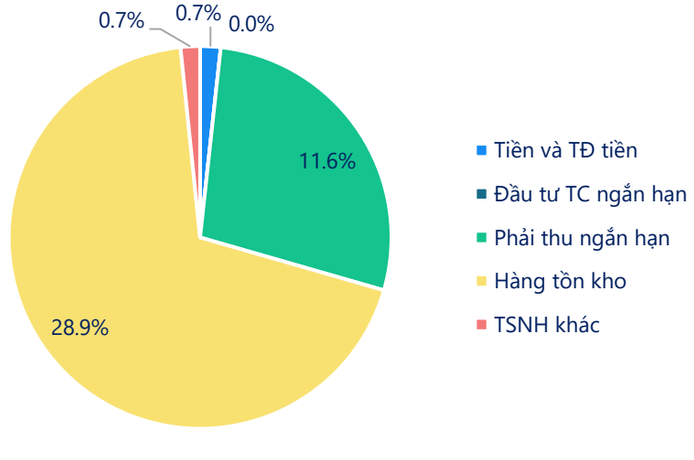
	YTD	1T	3T	6T
LGL	137.7%	5.3%	23.7%	35.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



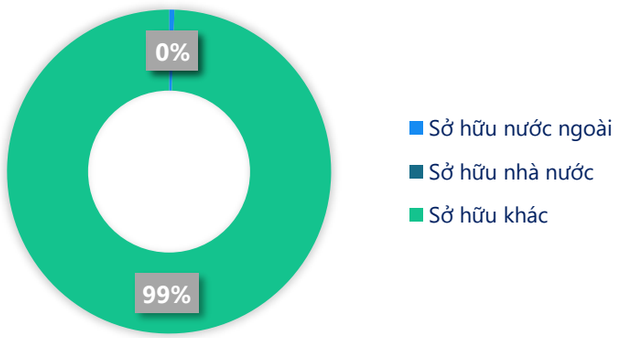
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



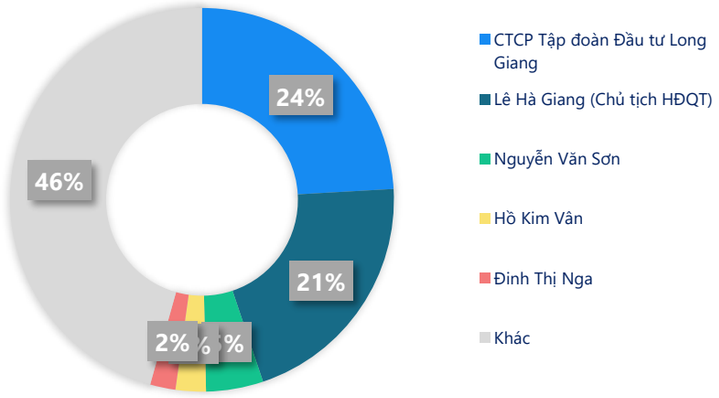
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



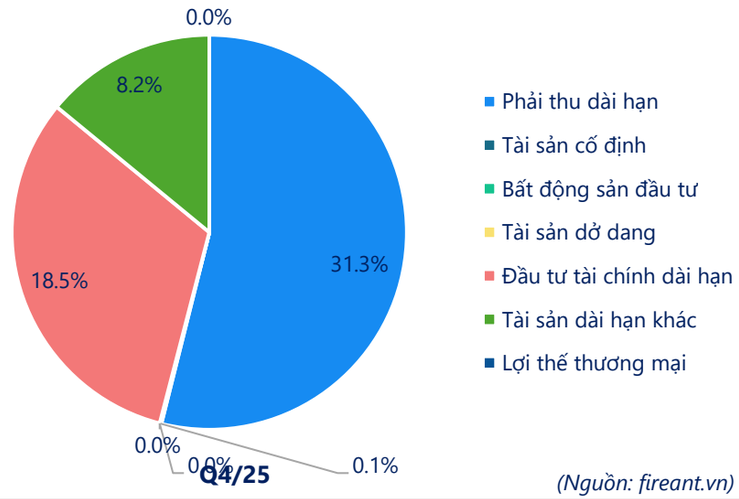
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

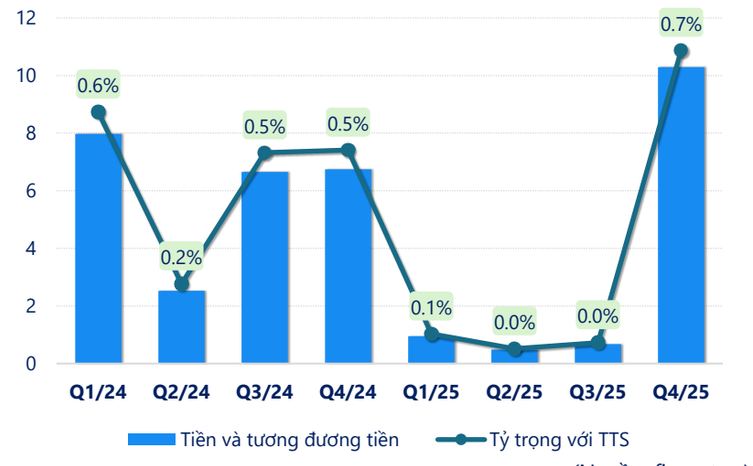


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

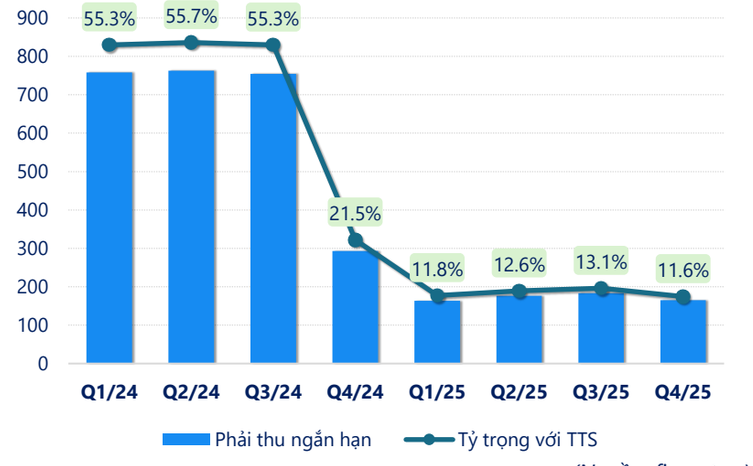
CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang (HSX: LGL)

Tiền và tương đương tiền



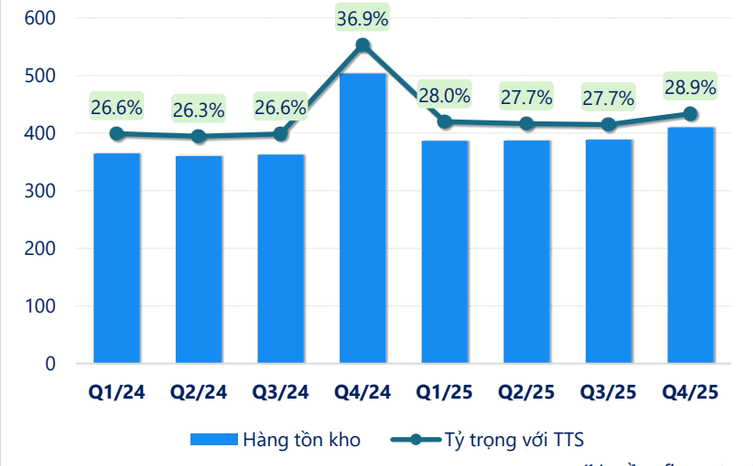
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



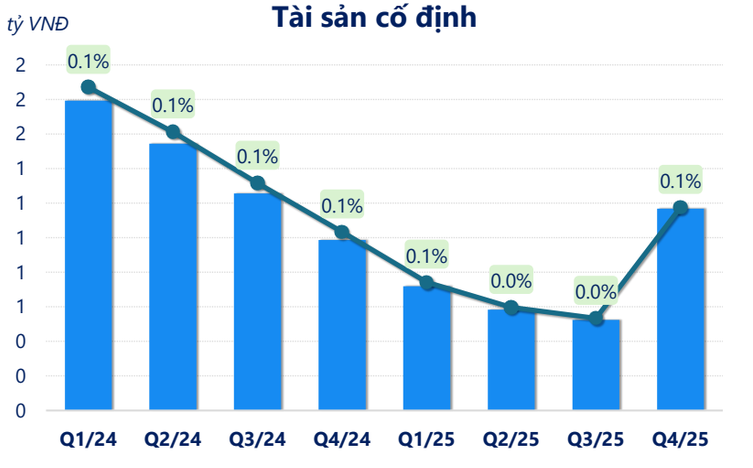
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



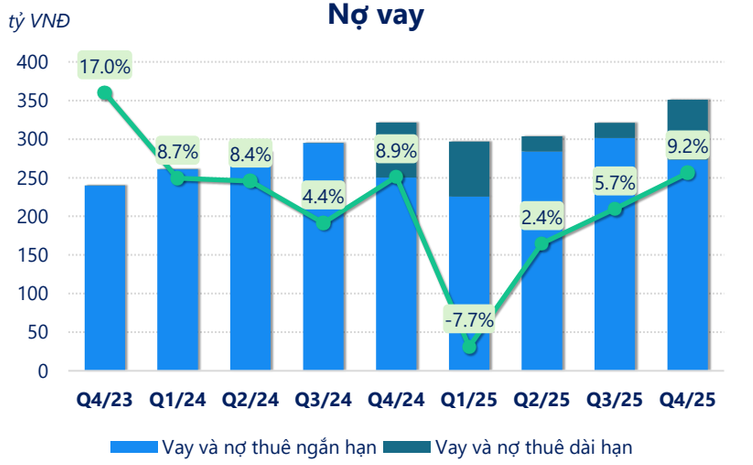
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



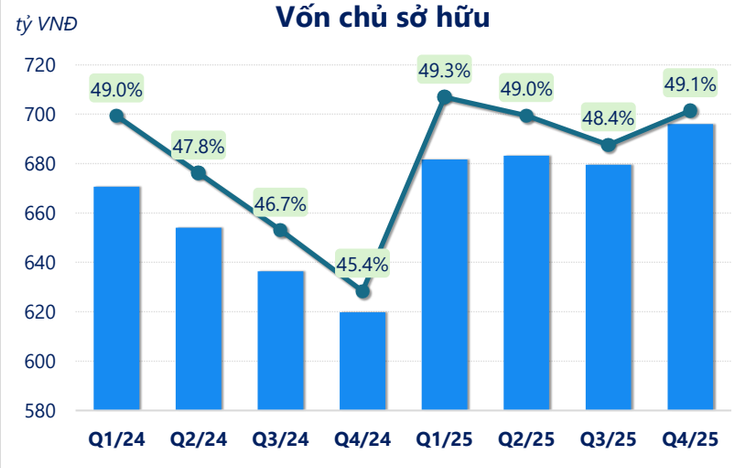
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

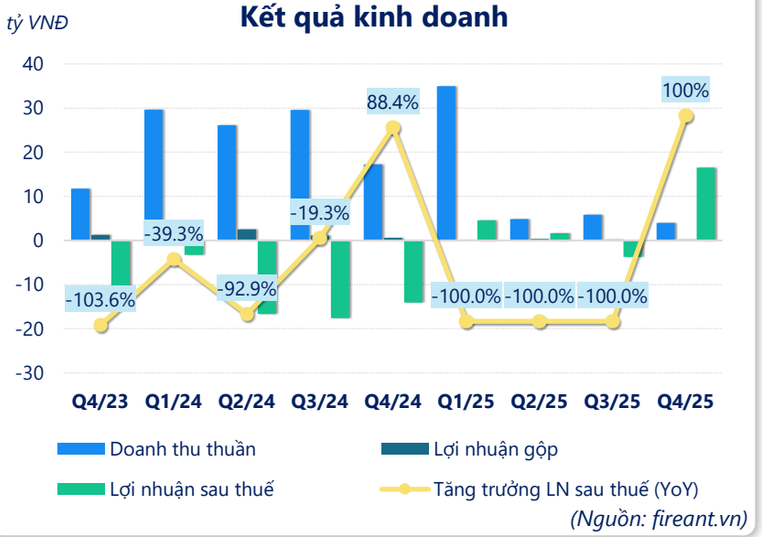


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

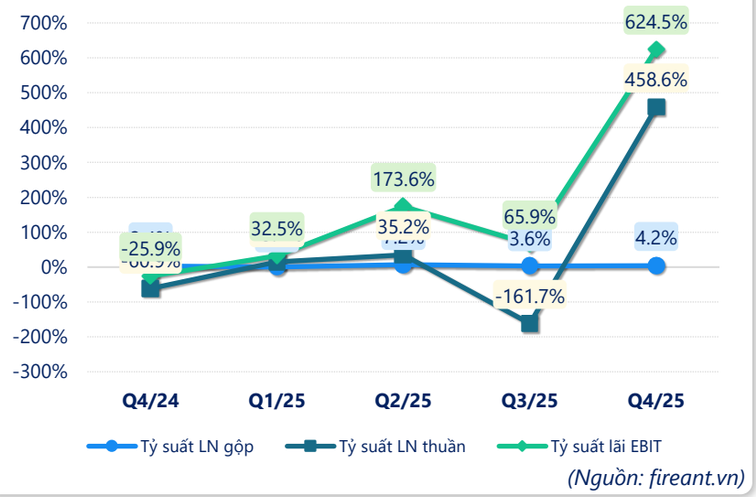
CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang (HSX: LGL)

Kết quả kinh doanh



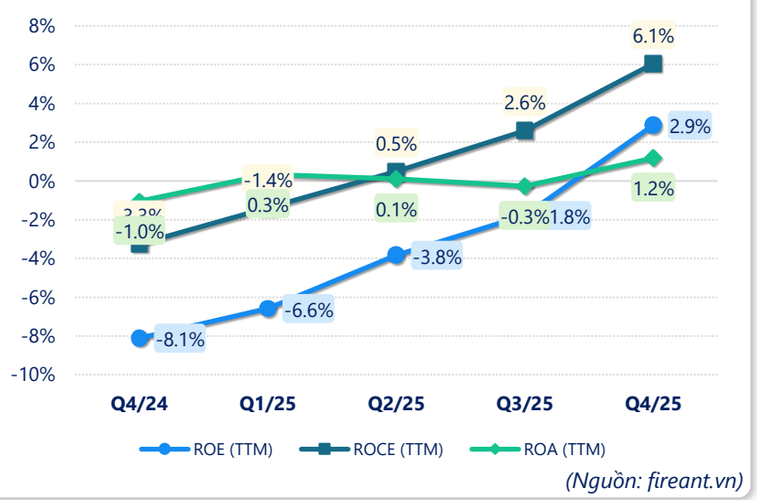
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



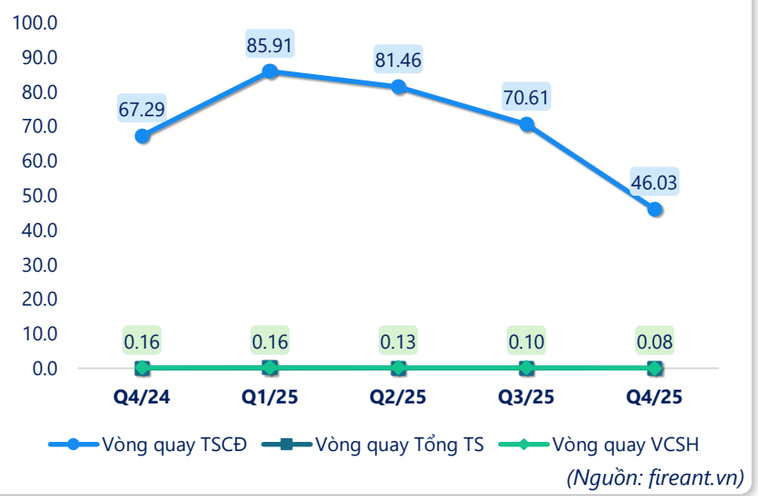
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



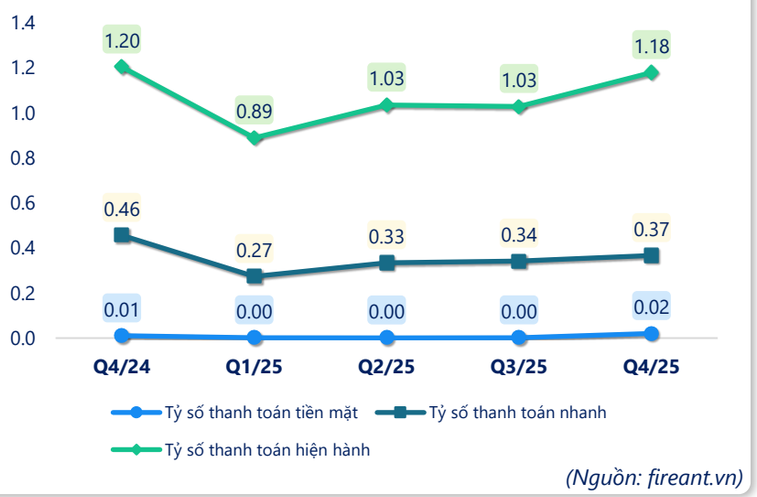
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



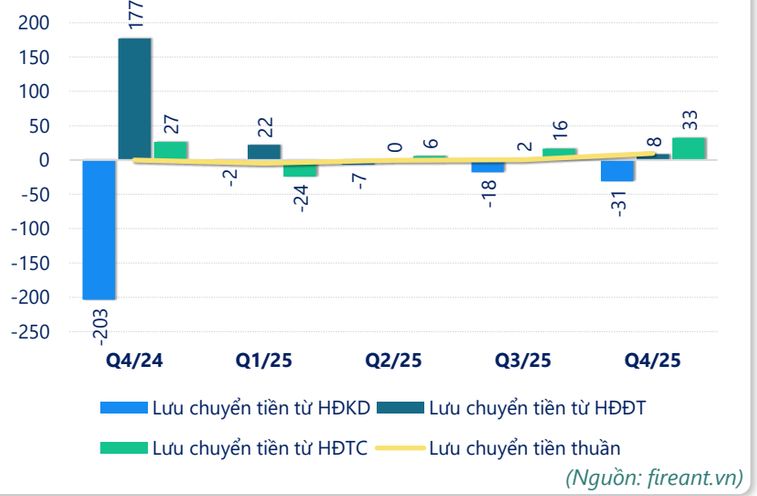
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang (HSX: LGL)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,418**	**1,396**	**1.6%**
Tài sản ngắn hạn	595	674	-11.7%
Tiền và tương đương tiền	10.3	5.68	81.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	165	275	-40.1%
Hàng tồn kho	410	386	6.3%
Tài sản ngắn hạn khác	9.73	7.35	32.4%
Tài sản dài hạn	**823**	**722**	**14.1%**
Phải thu dài hạn	444	457	-2.8%
Tài sản cố định	1.17	0.99	18.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	263	263	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**116**	**1.10**	**10402%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	722	718	0.5%
Nợ ngắn hạn	**505**	**647**	**-22.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	273	250	9.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	78.9	95.3	-17.2%
Nợ dài hạn	218	71.2	206%
Vay và nợ thuê dài hạn	77.4	71.2	8.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**696**	**677**	**2.8%**
Vốn chủ sở hữu	**696**	**677**	**2.8%**
Vốn điều lệ	515	515	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	17.3	34.9	4.86	5.82	3.99
Giá vốn hàng bán	16.7	34.8	4.51	5.61	3.82
Lợi nhuận gộp	0.58	0.11	0.35	0.21	0.17
Doanh thu HĐTC	1.78	16.9	1.57	2.35	33.6
Chi phí TC	9.60	7.49	6.42	8.18	9.71
Chi phí lãi vay	9.60	6.79	6.81	7.59	8.43
LN trong công ty LKLD	3.58	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	6.86	4.22	-6.21	3.78	5.77
LN thuần từ HĐKD	-10.5	5.28	1.71	-9.41	18.3
Lợi nhuận khác	-3.56	-0.73	-0.09	5.66	-1.81
LN trước thuế	-14.1	4.56	1.62	-3.75	16.5
Lợi nhuận sau thuế	-14.1	4.56	1.62	-3.75	16.5
LNST của CĐ cty mẹ	-14.2	4.56	1.62	-3.75	16.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-203	-2.29	-6.79	-18.0	-31.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	177	22.0	0.32	1.76	8.31
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	26.5	-24.5	6.01	16.5	32.5
Tiền đầu kỳ	6.66	5.68	0.95	0.48	0.68
Lưu chuyển tiền thuần	**0.09**	**-4.73**	**-0.47**	**0.20**	**9.61**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.74	0.95	0.48	0.68	10.3

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic